

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST
Ngày 14 - 4 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Khanh;

Ông Nguyễn Thế Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:
Ông Trương Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Xuân Th, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Khắc N, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Buôn K, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà: Nguyễn Thị Diễm Tr, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2021, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 28/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Ngô Xuân Th trình bày:

Do có quen biết nhau nên vào ngày 03/01/2019 vợ chồng ông Th (nguyên đơn) có cho vợ chồng ông Lê Khắc N và bà Nguyễn Thị Th (bị đơn) vay số tiền là 68.800.000 đồng để đầu tư chăm sóc cây cà phê, với mức lãi suất thỏa thuận là 3%/triệu/ tháng, thời hạn trả nợ là vào ngày 03/3/2019. Khi vay thì vợ chồng bị đơn không có cầm cố hoặc thế chấp tài sản gì để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, hai bên chỉ lập giấy vay tiền và ký xác nhận với nhau. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ bị đơn không trả được cho nguyên đơn số tiền nào, mặc dù nguyên đơn đã đòi nhiều lần. Đến ngày 06/4/2019 bị đơn có trả được cho vợ của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Diễm Tr được 40.000.000 đồng tiền gốc, số tiền còn lại bị đơn không tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn nữa. Do không biết việc bị đơn trả cho vợ nguyên đơn 40.000.000 đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 68.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật, đến ngày 28/12/2021 nguyên đơn có làm đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện của mình, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn lại là 28.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định.

Đối với việc ông N khai vào ngày 03/01/2017 dương lịch (tức ngày 06/11/2016 âm lịch) vợ chồng bị đơn có vay của bà Nguyễn Thị Diễm Tr (vợ của ông Th) số tiền là 40.000.000 đồng tiền gốc, thời hạn vay thỏa thuận miệng là 01 năm, không ghi trong hợp đồng. Khi đến hạn bị đơn không trả được nợ nên vào ngày 03/01/2019 dương lịch (tức ngày 28/11/2018 âm lịch) vợ chồng bị đơn cùng với bà Nguyễn Thị Diễm Tr chốt nợ lại với nhau về số tiền cả gốc và lãi thành 68.800.000 đồng là không đúng vì số tiền này là khoản vay khác và bị đơn đã trả hết cho nguyên đơn vào ngày 05/01/2018 nên không liên quan đến số tiền mà nguyên đơn đang khởi kiện.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền gốc mà bị đơn còn nợ à 28.800.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2021, bị đơn ông Lê Khắc N trình bày:

Vào ngày 03/01/2017 dương lịch (tức ngày 06/11/2016 âm lịch) vợ chồng bị đơn có vay của bà Nguyễn Thị Diễm Tr (vợ của ông Th) số tiền là 40.000.000 đồng tiền gốc, với lãi suất là 4%/01 triệu/01 tháng, thời hạn vay thỏa thuận miệng là 01 năm, không ghi trong hợp đồng. Khi vay tiền hai bên có lập giấy vay tiền và bị đơn có ký ghi rõ tên Lê Khắc N. Khi đến hạn trả bị đơn không trả được nợ nên vào ngày 03/01/2019 dương lịch (tức ngày 28/11/2018 âm lịch) vợ chồng bị đơn cùng với bà Nguyễn Thị Diễm Tr chốt nợ lại với nhau về số tiền cả gốc và lãi là 68.800.000 đồng. Sau đó vợ chồng bị đơn đồng ý vay tiếp của nguyên đơn số tiền này với lãi suất là 3%/01 triệu/01 tháng và hẹn đến ngày 03/3/2019 dương lịch (tức ngày 27/01/2019 âm lịch) sẽ hoàn trả cả gốc và lãi cho bà Tr. Khi vay tiền lần này

vợ chồng bị đơn có ký và ghi đầy đủ họ tên chồng là Lê Khắc N và vợ bị đơn là Nguyễn Thị Th ở phần người vay tiền. Đến ngày 06/4/2019 dương lịch (tức ngày 03/3/2019 âm lịch) thì vợ chồng bị đơn có trả được cho bà Tr 40.000.000 đồng tiền gốc. Khi trả tiền thì bà Tr có ghi “*Đã nhận của cậu N số tiền 40.000.000 đồng*” và ký chữ Tr ở dưới phần nhận tiền. Như vậy, trừ đi số tiền đã trả là 40.000.000 đồng thì vợ chồng bị đơn chỉ còn nợ vợ chồng ông Th, bà Tr số tiền gốc còn lại là 28.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh chưa tính. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền gốc là 68.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật thì vợ chồng bị đơn chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn lại là 28.800.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do gia đình bị đơn đang gặp khó khăn về kinh tế nên xin được trả dần cho nguyên đơn số tiền trên.

Tại các bản tự khai ngày 27/12/2021, ngày 20/01/2022 và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diễm Tr trình bày:

Bà Tr thống nhất với phần trình bày của ông Th và thừa nhận bị đơn có trả cho bà Tr số tiền gốc 40.000.000 đồng vào ngày 06/4/2019. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 28.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật thì bà Tr đồng ý. Vì bận công việc nên bà Tr ủy quyền cho ông Th tham gia tố tụng cho đến khi vụ án kết thúc và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Sau khi lấy lời khai, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N để đối chất làm rõ các nội dung còn mâu thuẫn nhưng ông N đều vắng mặt không có lý do. Đối với bà Th mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và nhiều văn bản tố tụng khác cho bà Th biết để tham gia tố tụng nhưng bà Th đều vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của bà Th.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nguyên đơn số tiền gốc là 28.800.000 đồng. Đối với tiền lãi do bị đơn rút yêu cầu tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền:

[1.1]. Nguyên đơn ông Ngô Xuân Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là ông Lê Khắc N và bà Nguyễn Thị Th trả số tiền vay gốc là 28.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật nên quan hệ pháp luật của vụ án là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại buôn K, xã E, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định của pháp luật.

[1.2]. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Th, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tham gia tố tụng, hòa giải, đối chất. Tuy nhiên, bà Th đều vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bà Th phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi phần tiền lãi là tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi.

[2] Về nội dung: Đối với yêu cầu của nguyên đơn về tiền gốc thấy rằng theo giấy vay tiền ngày 03/01/2019 do nguyên đơn cung cấp, lời khai của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Diễm Tr thể hiện vào ngày 03/01/2019 vợ chồng bị đơn là ông N và bà Th vay của vợ chồng ông Th bà Tr số tiền là 68.800.000, với lãi suất là 3%/01 triệu/01 tháng, ông N và bà Th hẹn đến ngày 03/3/2019 sẽ hoàn trả cả gốc và lãi cho nguyên đơn. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả được cho nguyên đơn 40.000.000 gốc vào ngày 06/4/2019 và còn nợ lại 28.800.000 đồng tiền gốc nhưng kể từ đó cho đến nay bị đơn vẫn không trả cho nguyên đơn số tiền nào. Lời khai của ông N cũng xác định còn nợ của vợ chồng ông Th bà Tr số tiền gốc là 28.800.000 đồng và đồng ý trả nợ dần cho nguyên đơn số tiền này. Như vậy, việc bị đơn không trả được nợ cho nguyên đơn khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ trả theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, đồng thời làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Th bà Tr số tiền gốc là 28.800.000 đồng.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do bị đơn là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 244, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Xuân Th. Buộc ông Lê Khắc N và bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Ngô Xuân Th và bà Nguyễn Thị Diễm Tr số tiền nợ gốc là 28.800.000 đồng (*Hai mươi chín triệu, tám trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

1.2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Ngô Xuân Th đối với yêu cầu về tiền lãi.

1.3. Về án phí: Ông Lê Khắc N và bà Nguyễn Thị Th được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Ngô Xuân Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại 1.700.000 đồng (*Một triệu, bảy trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 60AA/2021/0001937 ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quốc Định